

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-PT

Ngày 29-10-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển
quyền sử dụng đất vô hiệu và tranh
chấp v/v thực hiện công việc không có
ủy quyền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Đức Trường;

Bà Vương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Huy - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc "Tranh chấp chuyển quyền sử dụng đất; yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu và tranh chấp về việc thực hiện công việc không có ủy quyền".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Anh Q, sinh năm 1954; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Hoàng Anh Q là:* Ông Cao Xuân H - Luật sư tại Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang; địa chỉ: Đường Phạm Hồng C, tổ D, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị L; sinh năm: 1970; anh Đào Ngọc K (tên gọi khác: Đào Ngọc T); sinh năm 1975; cùng cư trú: Km A, tổ B, thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Chị Trần Thị L là:* Anh Đào Ngọc K (tên gọi khác: Đào Ngọc T); sinh năm 1975; địa chỉ: Km A, tổ B, thôn L

, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang (theo Giấy ủy quyền lập ngày 21/8/2019). Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

4. Người làm chứng: Ông Bùi Quyết C1; anh Phạm Văn C2; chị Hoàng Thị G; anh Bùi Xuân C3; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

5. Người kháng cáo: Anh Đào Ngọc K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Hoàng Anh Q trình bày:

Ông Q không phải là người trực tiếp cho vợ chồng chị Trần Thị L, anh Đào Ngọc K (Thắng) vay tiền mà nguồn gốc của số tiền do anh K, chị L vay trong từng thời điểm cụ thể như sau:

Ngày 28/5/2002 đến ngày 23/4/2010 ông Hoàng Ngọc T lúc đó là tổ trưởng nhóm tín dụng của Thôn Đ, xã Đ cho chị Trần Thị L, anh Đào Ngọc K vay tổng số tiền là 160.000.000đ; Từ ngày 01/12/2008 đến ngày 05/2/2009 anh Phạm Văn C2 là thành viên trong nhóm tín dụng của thôn Đ cho anh Đào Ngọc K vay 65.000.000đ; Ngày 01/7/2011 ông T2 bàn giao cho anh C1 160.000.000đ là tiền ông T2 cho chị L, anh K vay cộng với 65.000.000đ, anh C1 cho anh K vay = 225.000.000đ + 36.000.000đ (*tiền lãi của khoản tiền vay trong thời gian vay từ 28/5/2002 đến 01/7/2011*) = 261.000.000đ với lãi xuất quy định chung là 1,5%/tháng (*có sổ sách thể hiện số tiền vay trong từng thời điểm kèm theo*). Vì số tiền chị L và anh K vay là để phát triển kinh tế gia đình, nên ngày 30/9/2013 chị L đứng tên ký nhận trong sổ vay tiền của hộ gia đình đối với toàn bộ khoản tiền nợ tín dụng là 261.000.000đ.

Ngày 30/12/2013 chị L đã trả lãi quý IV/2013 là 11.745.000đ đối với khoản tiền vay 261.000.000đ, đồng thời chị L hứa sẽ có trách nhiệm trả cả tiền gốc và tiền lãi do chị L, anh K đã vay của nhóm Tín dụng thôn Đ.

Ngày 26/8/2014, ông Hoàng Anh Q tham gia làm tổ trưởng nhóm Tín dụng thay cho anh C1 và nhận bàn giao toàn bộ danh sách của những người còn vay tiền của quỹ chuyển cho ông Q theo dõi, quản lý; trong đó có số tiền 261.000.000đ của chị L, anh K.

Kể từ ngày ông Q tiếp nhận làm Tổ trưởng thì chị L, anh K không vay thêm số tiền nào khác nhưng vẫn duy trì tiền vay 261.000.000đ (*trong thời gian duy trì 261.000.000đ chị L, anh K có nộp lãi theo quý kể từ ngày 30/9/2013 đến hết ngày 30/3/2014*) còn lại từ ngày 01/4/2014 đến 30/9/2014 (Quý II, III/2014) chị L, anh K không trả được gốc và lãi của khoản tiền vay 261.000.000đ x 1,5%/tháng x 6 tháng = 20.358.000đ (*tiền lãi*). Tổng cộng chị L, anh K còn nợ của nhóm Tín dụng thôn Đ là 261.000.000đ (*tiền gốc*) + 20.358.000đ (*tiền lãi*) = 281.358.000đ.

Vì vậy, ngày 01/10/2014 chị L thỏa thuận với ông Q, chị G, anh C3 (là các thành viên của nhóm Tín dụng thôn Đ) với nội dung: “Gia đình chị L gặp khó khăn nên không có khả năng trả được nợ đối với số tiền 281.358.000đ, chị L đề nghị chuyển cho nhóm Tín dụng quyền sử dụng diện tích đất ở là 80m² (*chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*) và 100m² đất vườn (*đang được nhà nước làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*) tài sản gắn liền trên đất gồm có 01 ngôi nhà xây cấp IV, tọa lạc tại km A, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vị trí tứ cận được xác định: Phía Đông giáp diện tích đất vườn nhà bà N; Phía Tây giáp đường quốc lộ số 2; Phía Nam giáp đường ra núi đá và Sông Lô; Phía Bắc giáp đất nhà ông Trần Công H (hiện trạng toàn bộ diện tích đất và nhà ở của vợ chồng chị L, anh K không tranh chấp với ai), trị giá đất và nhà ở là 350.000.000đ, sau này khi chị L, anh K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ làm thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất cho nhóm tín dụng, bên được nhận chuyển quyền sử dụng đất phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục khác theo quy định của pháp luật và nhóm Tín dụng phải trả cho vợ chồng chị L số tiền chênh lệch là 350.000.000đ – 281.358.000 = 68.642.000đ”.

Nhóm Tín dụng thấy yêu cầu của chị L là tự nguyện, phù hợp với điều kiện thực tế của vợ chồng chị L, anh K vào thời điểm đó, nên nhất trí với ý kiến của chị L trả nợ số tiền 281.358.000đ cho nhóm Tín dụng là quyền sử dụng đất và nhà như đã thỏa thuận.

Do điều kiện khó khăn về nhà ở, nên trong thời gian chờ làm thủ tục chuyển giao quyền tài sản cho nhóm Tín dụng, chị L, anh K xin ở nhờ kể từ ngày 24/12/2014 đến ngày 30/4/2015 nếu chị L, anh K có tiền để trả nợ thì sẽ không phải chuyển quyền sử dụng đất cho nhóm Tín dụng nữa (*nội dung thỏa thuận đều được thể hiện đầy đủ trong biên bản bàn giao nhà và đất ngày 01/10/2014*).

Hết thời hạn 30/4/2015, chị L, anh K không có tiền trả và tiếp tục hứa là khi nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình thì chị L, anh K sẽ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho nhóm tín dụng theo quy định của pháp luật .

Đến tháng 6/2015 chị L, anh K vẫn chưa làm được thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho nhóm Tín dụng, thì những người gửi tiền vào quỹ có nhu cầu rút tiền trong cùng một thời điểm, để có tiền trả cho những người có tiền gửi, nên ngày 15/6/2015 nhóm Tín dụng đã lập biên bản bàn giao quyền sử dụng đất và nhà của chị L, anh K cho ông Q, để ông Q dùng số tiền 281.358.000đ là tài sản chung của vợ chồng ông Q trả cho nhóm Tín dụng (*Có biên bản kèm theo*).

Kể từ ngày ông Q thay chị L, anh K trả nợ số tiền 281.358.000đ vào quỹ đến nay, chị L, anh K chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho nhóm Tín dụng, để nhóm làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Q và cũng không có trách nhiệm trả lại ông Q 281.358.000đ.

Cuối năm 2018 nhóm Tín dụng dừng hoạt động, ông Q đã yêu cầu chị L, anh K làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Q nhưng không được. Vì vậy, ông Q khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện V đề nghị xem xét buộc chị Trần Thị L và anh Đào Ngọc K phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Q, nếu chị L, anh K không nhất trí thì phải trả lại ông Q 281.358.000đ và tiền

lãi của khoản tiền vay là 1,5%/tháng kể từ ngày 15/6/2015 đến ngày Tòa án nhân dân huyện V giải quyết xong vụ án.

Ông Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện V triệu tập những người biết việc vay tiền và giao dịch chuyển quyền sử dụng đất giữa chị L, anh K với nhóm Tín dụng và ông Q, cụ thể: Ông Hoàng Ngọc T2, anh Phạm Văn C3, ông Bùi Quyết C1 (Bí thư chi bộ Thôn Đ), chị Hoàng Thị G (kế toán quỹ), anh Bùi Xuân C2 (thủ quỹ), chị Trần Thị X, chị Trần Thị L là người biết việc. Tất cả những người này đều có địa chỉ tại xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Ngày 20/12/2019, ông Q có đơn bổ sung, đề nghị xem xét về giao dịch chuyển quyền sử dụng đất giữa chị L, anh K với nhóm Tín dụng, thôn Đ (ngày 01/10/2014) và giữa nhóm tín dụng với ông Q (Ngày 15/6/2015) là vô hiệu, vì vi phạm nguyên tắc chuyển quyền sử dụng đất, không tuân thủ quy định về hình thức.

Hiện nay nhóm Tín dụng thôn Đ đã ngừng hoạt động vào tháng 12/2018, do ông Q đã thay chị L, anh K trả nợ vào quỹ 281.358.000đ, nên ông Q đề nghị buộc chị L và anh K phải lại ông Q số tiền 281.358.000đ.

Theo bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Trần Thị L trình bày:

Sau khi xem lại sổ theo dõi vay tiền của nhóm tín dụng thôn Đ do ông Q xuất trình, chị L nhất trí với lời trình bày của ông Q về các lần chị L, anh K vay nợ của nhóm tín dụng kể từ ngày 28/5/2002 đến tháng 9/2014 (cả gốc và lãi là 281.358.000đ) và diễn biến việc chị L tự nguyện thỏa thuận gán nhà, đất để trả nợ cho nhóm Tín dụng, thể hiện trong biên bản thỏa thuận ngày 01/10/2014 là đúng thực tế.

Ngày 21/8/2020 chị L có giấy ủy quyền cho chồng là anh Đào Ngọc K tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đồng thời chị L có bản cam kết đối với toàn bộ lời khai của chị L trong buổi họp tại Tòa án ngày 13/8/2019 là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai chị L sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Theo bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án anh Đào Ngọc K (tên gọi khác: Đào Ngọc T) trình bày:

Ban đầu anh K cho rằng mình không ký kết vay tiền và cũng không thỏa thuận với ông Q để vay tiền như nội dung khởi kiện của ông Q. Sau đó, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ ngày 13/8/2019, các bên đương sự cùng xem xét, đối chiếu cụ thể khoản tiền và thời gian vay tiền, anh K nhất trí với số tiền 281.358.000đ vay của nhóm Tín dụng. Tuy nhiên, anh K cho rằng, việc ông Q thay vợ chồng anh trả nợ số tiền 281.358.000đ cho nhóm Tín dụng là do ông Q tự nguyện và biên bản thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất của chị L, anh K cho nhóm tín dụng để trừ nợ ngày 01/10/2014 là do chị L tự nguyện, chữ ký trong biên bản không phải của anh K, nhưng anh K không nhất trí để Tòa án giám định chữ ký của mình. Khi nhóm Tín dụng làm thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất của chị L, anh K cho ông Q vào ngày 15/6/2015

không thông báo cho chị L, anh K biết để cùng tham gia thỏa thuận. Vì vậy anh K chỉ nhất trí trả nợ 281.358.000đ cho nhóm Tín dụng thôn Đ và không nhất trí trả nợ cho ông Hoàng Anh Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H trình bày: Nội dung khởi kiện của ông Hoàng Anh Q là đúng sự thật, vì số tiền ông Q thay chị L, anh K trả cho quỹ Tín dụng là tài sản chung của vợ chồng, nên bà H cử ông Q có toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Bùi Quyết C1 (Bí thư Chi bộ Thôn Đ), chị Hoàng Thị G, anh Phạm Văn C2, anh Bùi Xuân C3 (thành viên của nhóm Tín dụng) trình bày:

Quỹ Tín dụng của thôn Đ, xã Đ, huyện V được thành lập vào năm 1996, nguồn vốn ban đầu là do Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang cấp theo dự án thôn, bản và giao cho một số thành viên của Chi bộ, Chính quyền thôn Đ quản lý, điều hành, giám sát, sau thời gian đi vào hoạt động thì dự án kết thúc, nguồn vốn của quỹ Tín dụng là tiền của một số công dân thôn Đ gửi vào quỹ để ai có nhu cầu vay thì các thành viên quản lý quỹ đứng đại diện cho vay, với mục đích là tạo điều kiện cho công dân của thôn khắc phục khó khăn về vốn; hình thức cho vay bằng tín chấp; lãi suất cho vay là 1,5%/tháng đối với số tiền vay. Quỹ Tín dụng hoạt động dưới sự lãnh đạo, giám sát của Chi bộ và Chính quyền thôn Đ kể từ tháng 12/1996 đến tháng 12/2018, quá trình hoạt động đối với người gửi tiền và người vay tiền của quỹ đều tuân thủ theo nguyên tắc công khai, tôn trọng niềm tin, chữ tín giữa các bên.

Riêng đối với khoản tiền vay của vợ chồng chị L, anh K diễn ra trong thời gian từ ngày 28/5/2002 đến tháng 9/2014 với tổng số tiền gốc và lãi là 281.358.000đ.

Ngày 30/9/2014 chị Trần Thị L tự nguyện thỏa thuận với các thành viên trong nhóm Tín dụng cho chị L, anh K chuyển quyền sử dụng đất và nhà ở là tài sản chung của chị L, anh K cho nhóm tín dụng để trừ nợ 281.358.000đ.

Tháng 6 năm 2015, Quỹ Tín dụng gặp khó khăn về vốn do nhiều người gửi tiền có nhu cầu rút tiền trong cùng một thời điểm, lúc đó ông Q là tổ trưởng nên phải chịu trách nhiệm chính, vì vậy ngày 15/6/2015 nhóm Tín dụng thống nhất chuyển quyền sử dụng đất của chị L, anh K cho ông Q để ông Q lấy tiền cá nhân trả cho những người gửi tiền vào Quỹ Tín dụng. (*Nội dung thỏa thuận đúng như đơn khởi kiện và lời khai của ông Q*).

Việc anh Đào Ngọc K chỉ nhất trí trả số tiền 281.358.000đ cho quỹ Tín dụng thôn Đ và không trả tiền cho ông Q là nhằm mục đích trốn tránh trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ, vì hiện nay quỹ Tín dụng đã dừng hoạt động thì chị L, anh K không có trách nhiệm phải trả nợ cho ai nữa là trái với đạo đức của người vay tiền.

Ông Chiến, chị G, anh Chí, anh C cùng khẳng định nội dung khởi kiện và lời khai của ông Q là đúng sự thật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, các Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 220; khoản 1, khoản 2 Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; và Điều 3; khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 122; Điều 123, Điều 124; Điều 127; Điều 134; Điều 136, Điều 137, Điều 689, Điều 691 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 6 Điều 12; điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai 2013; Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu bổ sung của ông Hoàng Anh Q về việc Tranh chấp chuyển quyền sử dụng đất và Yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu.

2. Tuyên bố Giao dịch dân sự chuyển quyền sử dụng đất giữa chị Trần Thị L, anh Đào Ngọc K với nhóm Tín dụng thôn Đ, xã Đ, huyện V ngày 01/10/2014 và giao dịch dân sự chuyển quyền sử dụng đất giữa nhóm Tín dụng Thôn Đ, xã Đ, huyện V với ông Hoàng Anh Q ngày 15/6/2015 là giao dịch dân sự vô hiệu.

3. Giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu: Do nhóm Tín dụng Thôn Đ, xã Đ, huyện V đã dừng hoạt động vào tháng 12/2018. Buộc chị Trần Thị L và anh Đào Ngọc K (Thắng) cùng nơi cư trú: Km A, tổ B, thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang phải có trách nhiệm liên đới trả lại ông Hoàng Anh Q; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang số tiền 281.358.000đ (*Hai trăm, tám mươi một triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*) là tiền ông Q đã thay chị L, anh K trả cho nhóm Tín dụng Thôn Đ, xã Đ, huyện V vào ngày 15/6/2015.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, bị đơn anh Đào Ngọc K có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V với nội dung không nhất trí việc trả số tiền 281.350.000đ cho ông Q.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX buộc vợ chồng anh chị Khiển – Lan phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 281.358.000đ.

Bị đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo và có đề nghị hoãn phiên tòa vì bị đơn đã mời luật sư tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Những người làm chứng (là nhóm tín dụng thôn Đ đã giải thể): Ông Bùi Quyết C; anh Phạm Văn C; chị Hoàng Thị G; anh Bùi Xuân C đều xác nhận

khoản nợ vợ chồng anh chị K - L vay nhóm tín dụng và việc ông Q trả nợ thay cho vợ chồng anh chị K - L là sự thật và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm: liên quan đến hai giao dịch chuyển quyền sử dụng đất và nhà ở ngày 01/10/2014 và ngày 15/6/2015 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố vô hiệu nhưng không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 30 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 8 năm 2020, bị đơn anh Đào Ngọc K nộp trực tiếp đơn kháng cáo tại Tòa án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của anh K nằm trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Đào Ngọc K đề nghị hoãn phiên tòa vì anh K đã mời Luật sư. HĐXX thấy rằng: Trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án, bị đơn đã hai lần có đơn xin hoãn phiên tòa, tại phiên tòa mở lại lần 3 bị đơn có mặt tại phiên tòa nhưng bị đơn không xuất trình bất cứ chứng cứ tài liệu nào chứng minh việc bị đơn đã mời Luật sư. Căn cứ vào Điều 259, Điều 296 BLTTDS, HĐXX tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Ngày 24 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn ông Hoàng Anh Q khởi kiện về việc yêu cầu anh Đào Ngọc K chị Trần Thị L phải thanh toán số nợ 281.358.000đ và khởi kiện bổ sung tại Tòa án nhân dân huyện V về việc "Tranh chấp chuyển quyền sử dụng đất và yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu". Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện và quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thấy rằng: Ông Hoàng Anh Q tự nguyện thực hiện việc trả nợ cho anh chị K- L khi không có sự ủy quyền của anh chị K- L và để hợp thức hóa số nợ là nhà và đất do quỹ tín dụng đã lập biên bản giao nhà và đất với vợ chồng anh chị K- L. Do đất và nhà khi ký giao dịch chưa làm được thủ tục cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nên ông Q đề nghị anh chị K - L phải thanh toán số tiền ông đã trả nợ thay cho anh chị K - L. Như vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp đầy đủ là “Tranh chấp về chuyển quyền sử dụng đất và giao dịch chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu và tranh chấp về việc thực hiện công việc không có ủy quyền”. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 14 Điều 26, Điều 35, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất ngày 01/10/2014 và ông Hoàng Anh Q thực hiện việc trả nợ thay cho vợ chồng anh chị K- L và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/6/2015 là thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 đang có hiệu lực thi hành nên áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 và quan hệ pháp luật tranh chấp phát sinh năm 2019 nên áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Về nội dung: Anh Đào Ngọc K kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc chị L, anh K phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Q số tiền 281.358.000đ vì chị L, anh K trực tiếp vay của nhóm Tín dụng thôn Đ chứ không phải vay của ông Q nên không có trách nhiệm trả cho ông Q.

[6] Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Đối với biên bản giao đất và nhà ở lập ngày 01/10/2014 giữa quỹ tín dụng thôn Đ và vợ chồng anh chị K - L để trừ vào khoản nợ 281.358.000đ vợ chồng anh chị K - L đã vay nhóm tín dụng nhưng không trả được nợ (bao gồm cả gốc và lãi) nhưng thực tế nhà và đất của anh chị K - L chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như các giấy tờ hợp pháp khác theo Điều 100 Luật đất đai 2013; biên bản bàn giao nhà và đất chưa có công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật. Xét về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thì hình thức và nội dung của biên bản này vi phạm quy định của pháp luật. Cụ thể: Theo khoản 1 Điều 691 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nguyên tắc chuyển quyền sử dụng đất: *“Cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình, chủ thể khác sử dụng đất được pháp luật cho phép chuyển quyền sử dụng đất mới có quyền chuyển quyền sử dụng đất”*; Khoản 6 Điều 12 Luật Đất đai 2013 quy định: *... “Ng nghiêm cấm Sử dụng đất, thực hiện giao dịch về quyền sử dụng đất mà không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền”*. Do đó, Biên bản giao nhận nhà và đất này không có giá trị pháp lý và không phát sinh hiệu lực nên vô hiệu.

[7] Đối với giao dịch lập ngày 15/6/2015 giữa nhóm Tín dụng thôn Đ và ông Hoàng Anh Q về việc chuyển quyền sử dụng đất của anh chị K- L cho cá nhân ông Q để ông Q trả nợ thay cho anh chị K- L 281.358.000đ cho nhóm Tín dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thực hiện giao dịch chuyển quyền sử dụng đất và nhà ở của nhóm tín dụng cho ông Q đã không tuân thủ theo quy định của pháp luật: Theo khoản 2 Điều 691 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định *“ Khi chuyển quyền sử dụng đất, các bên có quyền thỏa thuận về nội dung của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất nhưng phải phù hợp với quy định của Bộ luật này và pháp luật về đất đai”*; Điều 689 Bộ luật Dân sự 2005 quy định *... khoản 1 “ Việc chuyển quyền sử dụng đất phải thông qua hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này”*; khoản 2 *“Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải*

được lập thành văn bản, có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật”. Điểm a, khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013“Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực....”. Vì vậy, giao dịch này không có giá trị pháp lý và không phát sinh hiệu lực nên vô hiệu.

[8] Do biên bản giao đất và nhà ở lập ngày 01/10/2014 và giao dịch lập ngày 15/6/2015 để thực hiện việc trừ nợ nhưng nhà và đất là tài sản để thực hiện các giao dịch chưa được hợp thức hóa nên vô hiệu ngay từ khi các bên ký giao dịch nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý từ việc giao kết hợp đồng.

[9] Đối với việc ông Hoàng Anh Q tự nguyện thay vợ chồng anh chị K - L trả số tiền 281.358.000đ cho nhóm tín dụng được các đương sự trong vụ án xác định là đúng sự thật, do đó, được xác định là thực hiện công việc không có ủy quyền theo quy định tại Điều 594 Bộ luật Dân sự 2005.

[10] Theo hồ sơ thể hiện ông Q hoàn toàn không có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Q lại là người thực hiện việc trả nợ thay cho vợ chồng anh chị K-L cho nhóm tín dụng. Bên cạnh đó, việc ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho vợ chồng anh chị K - L là hoàn toàn có lợi đối với nghĩa vụ phải trả nợ cho quỹ Tín dụng của anh chị K - L khi còn khó khăn về tài chính. Ngoài ra căn cứ vào biên bản lập ngày 01/10/2014 và giấy giao nhà và đất lập ngày 15/6/2015 giữa ông Q và vợ chồng anh chị K - L không phát sinh một quan hệ hợp đồng nào, ông Q cũng không nhận sự ủy quyền nào từ phía vợ chồng anh chị K - L. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thể hiện ông Q thực hiện việc trả nợ thay cho anh chị K- L từ ngày 15/6/2015, ông Q nhiều lần yêu cầu anh chị K - L trả nợ cho ông Q nhưng anh chị K- L không trả. Như vậy, việc ông Q trả nợ thay cho anh chị K - L đã biết nhưng anh chị K-L không phản đối, chỉ khi ông Q khởi kiện ra Tòa án anh K mới có ý kiến cho rằng anh chị K- L không có vay tiền của ông Q nên vợ chồng anh chị K - L không có trách nhiệm phải trả cho ông Q là không phù hợp với thực tế.

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm anh K thừa nhận số tiền 281.358.000đ là tiền vợ chồng anh K vay nhóm tín dụng thôn Đ gồm cả gốc và lãi, anh K cho rằng ông Q chưa thực hiện trả cho nhóm tín dụng và nếu có trả thì tại thời điểm ông Q trả nợ cho nhóm tín dụng thì nhóm tín dụng và ông Q không thông báo gì cho vợ chồng anh chị L K biết nên anh không có trách nhiệm phải trả nợ cho ông Q, nhưng tất cả những người làm chứng: Chị G , anh C1, anh C2, anh C3 có mặt tại phiên tòa đều xác nhận ông Q đã trả tiền cho nhóm tín dụng, nhóm tín dụng không còn liên quan đến khoản tiền 281.358.000đ và đề nghị anh K trả nợ cho ông Q.

[12] Từ những phân tích trên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa: Căn cứ Khoản 7 Điều 13 BLDS 2005 quy định căn cứ xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự được xác lập từ thực hiện công việc không có ủy quyền; khoản 3 Điều 281 BLDS 2005 quy định về nghĩa vụ phát sinh từ thực hiện công việc không có ủy quyền và căn cứ Điều 596 BLDS 2005 về nghĩa vụ thanh toán của người có công việc được thực hiện thì vợ chồng anh chị K - L phải thanh toán khoản tiền mà người

thực hiện công việc không có ủy quyền (ông Hoàng Anh Q) đã bỏ ra để thực hiện công việc với số tiền 281.358.000đ là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở không chấp nhận kháng cáo của anh Đào Ngọc K, buộc anh K, chị L phải có trách nhiệm liên đới trả lại ông Q số tiền 281.358.000đ.

[13] Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho vợ chồng anh chị K - L giữa ông Q và vợ chồng anh chị K- L không có thỏa thuận, việc trả nợ thay là do ông Q hoàn toàn tự nguyện anh chị K- L không phải chịu lãi suất đối với số tiền số tiền 281.358.000đ ông Q đã thanh toán cho nhóm tín dụng.

[14] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang cho rằng: việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng anh chị K- L phải thanh toán cho ông Q số tiền 281.358.000đ ông Q đã trả nợ thay là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật nhưng việc giải quyết hai giao dịch dân sự lập ngày 01/10/2014 và giao dịch dân sự chuyển quyền sử dụng đất giữa nhóm Tín dụng thôn Đ, xã Đ, huyện V với ông Hoàng Anh Q ngày 15/6/2015 đã không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cần phải hủy án bản án sơ thẩm, giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người của nhóm tín dụng Thôn Đ (đã giải thể) vào tham gia tố tụng khi giải quyết hai giao dịch dân sự là vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa những người trong nhóm tín dụng vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng trong vụ án, trong suốt quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, không ai có ý kiến về việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của họ và đều xác nhận ông Q đã thực hiện trả nợ thay cho anh chị K- L và nhóm tín dụng không có liên quan gì đến khoản nợ cũng như giao dịch chuyển nhượng nhà và đất nữa. Mặt khác, HĐXX xét thấy, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng nhưng việc giải quyết không làm thay đổi bản chất nội dung giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[15] Đối với đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q đề nghị buộc vợ chồng anh chị K- L phải thanh toán cho ông Q số tiền 281.358.000đ ông Q đã trả nợ cho nhóm tín dụng thay cho anh chị K- L. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Luật sư có căn cứ pháp lý được chấp nhận.

[16] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản bản sơ thẩm nên anh Đào Ngọc K không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đào Ngọc K.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, Điều 35, Điều 38; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 7 Điều 13; Khoản 3 Điều 281; Điều 122; Điều 123, Điều 124; Điều 127; Điều 134; Điều 136, Điều 594, Điều 596, Điều 689, Điều 691 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 6 Điều 12; Điều 100, điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai 2013; Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Hoàng Anh Q về việc Tranh chấp chuyển quyền sử dụng đất và giao dịch chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu và tranh chấp về việc thực hiện công việc không có ủy quyền.

2. Tuyên bố giao dịch dân sự chuyển quyền sử dụng đất giữa chị Trần Thị L, anh Đào Ngọc K với nhóm Tín dụng Thôn Đ, xã Đ, huyện V ngày 01/10/2014 và giao dịch dân sự chuyển quyền sử dụng đất giữa nhóm Tín dụng thôn Đ, xã Đ, huyện V với ông Hoàng Anh Q ngày 15/6/2015 là giao dịch dân sự vô hiệu.

3. Buộc Chị Trần Thị L và anh Đào Ngọc K cùng nơi cư trú: Km A, tổ B, thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang phải có trách nhiệm liên đới trả lại ông Hoàng Anh Q; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang số tiền 281.358.000đ (*Hai trăm, tám mươi một triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Hoàng Anh Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Lan và ông Đào Ngọc K (T) không trả đủ cho Ông Q số tiền trên thì hàng tháng chị Trần Thị L và anh Đào Ngọc K (T) còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Hoàng Anh Q không phải chịu án phí. Hoàn trả ông Hoàng Anh Q tiền tạm ứng án phí sơ thẩm với số tiền 7.300.000đ (*Bảy triệu ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2013/02339 ngày 10/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Vợ chồng chị Trần Thị L và anh Đào Ngọc K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $281.358.000đ \times 5\% = 14.067.900$ đồng (*Mười bốn triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm đồng*).

- Án phí phúc thẩm: Anh Đào Ngọc K không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho anh K số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn*).

đồng) anh K đã nộp theo Biên lai thu số BB/2013/02371, ngày 14/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Lưu: VP, Tòa DS, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân